

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TRƯỜNG THCS VÀ THPT FPT  
NĂM HỌC 2024 – 2025**

**A. PHẦN PHỤ HUYNH/NGƯỜI GIÁM HỘ KHAI THÔNG TIN**

**I. THÔNG TIN HỌC SINH**

**1. Họ và tên học sinh:** ..... **Giới tính:** Nam  Nữ

(Viết chữ in hoa)

**2. Ngày, tháng, năm sinh:** .....

Nơi sinh: .....Quốc tịch:..... Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

**3. Năm tốt nghiệp THCS (Dành cho cấp THPT):** ..... Xếp loại tốt nghiệp THCS:.....

**4. Hộ khẩu thường trú:** .....

**5. Nơi ở hiện tại: Tỉnh/Thành phố** ..... Quận/huyện..... Phường/xã .....

(Chi tiết số nhà, đường/phố/thôn/xóm) .....

**6. Con thương binh/liệt sĩ:**  Có  Không

**7. Thông tin Phụ huynh/Người giám hộ:**

Phụ huynh ưu tiên đăng ký nhận thông tin từ nhà trường (điện thoại, email):  Mẹ  Bố

<b>Thông tin mẹ/Người giám hộ</b>	<b>Thông tin bố/Người giám hộ</b>
Họ và tên: .....	Họ và tên: .....
Năm sinh: .....	Năm sinh: .....
Nghề nghiệp: .....	Nghề nghiệp: .....
Đơn vị công tác: .....	Đơn vị công tác: .....
Mối quan hệ với học sinh: .....	Mối quan hệ với học sinh:.....
Số điện thoại: .....	Số điện thoại: .....
Email: .....	Email:.....

**8. Học sinh có anh/chi/em ruột đang theo học tại Hệ thống giáo dục FPT:**  Có  Không

Nếu có, xin vui lòng cung cấp thông tin:

Họ và tên: ..... Ngày sinh: ..... Mã số học sinh/ sinh viên:.....

Lớp: ..... Cơ sở đang theo học: .....

**9. Đăng ký khác:**

**9.1. Đăng ký dịch vụ xe đưa đón (nếu có):**  Có  Không

**9.2. Đăng ký tổ hợp môn học lựa chọn (dành cho cấp THPT)**

Tổ hợp 1 - KHTN: Vật Lý, Hoá học, Sinh học, Tin học.

Tổ hợp 2 - KHXX: Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Vật lý, Tin học.

**9.3. Mã định danh MOET:** ..... **Mật khẩu:** .....

(Mã định danh và mật khẩu được cấp bởi trường học nơi đã tốt nghiệp theo quy định của địa phương - bỏ qua thông tin này nếu địa phương không yêu cầu)

## II. THÔNG TIN SỨC KHOẺ

1. Học sinh có bị dị ứng với bất kỳ thứ gì không?  Có  Không  
(Nếu có, xin nêu chi tiết):

.....  
.....

2. Học sinh có mắc các bệnh có thể gây các con nguy hiểm cấp tính (bệnh hen, tim, động kinh....) (Nếu có, xin nêu chi tiết):  Có  Không

.....  
.....

3. Học sinh có các bệnh lý hoặc khiếm khuyết liên quan tới vận động, hành vi, cảm xúc không? (Nếu có, xin nêu chi tiết):  Có  Không

.....  
.....

4. Học sinh có các bệnh truyền nhiễm (HIV, Viêm gan, Lao phổi....) không? (Nếu có, xin nêu chi tiết):  Có  Không

.....  
.....

5. Học sinh có các bệnh lý nào khác cần chú ý không?  Có  Không  
(Nếu có, xin nêu chi tiết):

.....  
.....

- Hệ thống giáo dục FPT không được cấp phép để cung cấp chương trình giáo dục chuyên biệt cho học sinh có nhu cầu đặc biệt liên quan đến sức khỏe thể chất và tinh thần. Vì vậy, Nhà trường không có khả năng cung cấp dịch vụ cho các học sinh có các vấn đề kể trên. Người giám hộ của học sinh có trách nhiệm thông báo ngay với Nhà trường nếu con em mình có những thay đổi bất thường về mặt thể chất, nhận thức, hành vi hay cảm xúc có thể ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh và hoặc ảnh hưởng đến hành xử với bạn bè, giáo viên và cộng đồng. Nhà trường dựa vào khả năng và điều kiện của mình, có quyền áp dụng các biện pháp nhằm hỗ trợ và kiểm soát việc học tập, hành vi và cảm xúc của học sinh. Khi cần, Nhà trường sẽ xin ý kiến tư vấn của các chuyên gia độc lập về tình trạng bệnh lý của học sinh với các chi phí do gia đình chi trả. Nhà trường có toàn quyền quyết định mọi điều chỉnh liên quan đến việc tiếp tục học của học sinh tại Trường, bao gồm cả quyết định chấm dứt việc học tập của học sinh nếu những bệnh lý của học sinh có thể gây nguy hại đến bản thân và các học sinh khác, Nhà trường và cộng đồng.

- Trong trường hợp học sinh bị ốm hoặc mắc các bệnh có khả năng lây nhiễm, Nhà trường có quyền hạn chế hoặc ngăn cản học sinh đến trường cho đến khi hết nguy cơ lây nhiễm; và/hoặc trường hợp nhà trường xuất hiện các dịch bệnh truyền nhiễm, vì an toàn cao nhất của học sinh và nhiều học sinh khác, có quyền quyết định tạm ngừng dạy học trực tiếp. Trong những trường hợp này, người giám hộ, học sinh đồng thuận và không có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến các quyết định nêu trên của Nhà trường.

- Trong trường hợp khẩn cấp y tế và/hoặc nếu Nhà trường không thể liên lạc với người giám hộ, người giám hộ đồng ý ủy quyền cho Nhà trường tìm kiếm, chỉ dẫn và điều trị y tế cho học sinh. Các chi phí phát sinh liên quan đến điều trị y tế cho học sinh, bao gồm cả trường hợp khẩn cấp hoặc những trường hợp thông thường khác, sẽ do người giám hộ chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ.

#### IV. QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH

Quy định tài chính năm học 2024 - 2025 cho học sinh Khối phổ thông thuộc Hệ thống giáo dục FPT, ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-CTGD FPT ngày 12/01/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Giáo dục FPT:

##### 1. Học phí và các khoản phí

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền (VND)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Giá dịch vụ tuyển sinh</b>			
1.1	Dịch vụ tuyển sinh	1 HS/1 lần	200,000	
1.2	Dịch vụ thi học bổng	1 HS/1 lần	200,000	
<b>2</b>	<b>Phí nhập học, học phí</b>			
<b>2.1</b>	<b>Dịch vụ nhập học</b>	1 HS/1 khóa	2,000,000	1. Thu cùng học phí khi nhập học 2. Không được hoàn trả nếu rút hồ sơ nhập học
<b>2.2</b>	<b>Học phí áp dụng cho học sinh nhập học mới</b>			1. Học phí được nộp 2 lần/1 năm học trước khi học kỳ bắt đầu. 2. Với các học sinh nhập học chuyển ngang (Khối 7-9 và Khối 11-12) sẽ áp dụng theo biểu phí của khóa học tương ứng.
<b>2.2.1</b>	<b>Học phí khối trung học cơ sở</b>			
<b>2.2.1.1</b>	Học phí lớp 6 năm học 2024 – 2025	1 HS/1 kỳ	31,500,000	
<b>2.2.1.2</b>	Học phí lớp 7 năm học 2025 – 2026	1 HS/1 kỳ	33,000,000	
<b>2.2.1.3</b>	Học phí lớp 8 năm học 2026 – 2027	1 HS/1 kỳ	34,500,000	
<b>2.2.1.4</b>	Học phí lớp 9 năm học 2027 – 2028	1 HS/1 kỳ	36,000,000	
<b>2.2.2</b>	<b>Học phí khối trung học phổ thông</b>			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền (VND)	Ghi chú
2.2.2.1	Học phí lớp 10 năm học 2024 - 2025	1 HS/1 kỳ	33,500,000	
2.2.2.2	Học phí lớp 11 năm học 2025 - 2026	1 HS/1 kỳ	36,000,000	
2.2.2.3	Học phí lớp 12 năm học 2026 - 2027	1 HS/1 kỳ	38,500,000	
2.3	<b>Học phí áp dụng cho các học sinh đang học hiện tại</b>			Các học sinh nhập học năm học 2023 sẽ áp dụng theo lộ trình học phí công bố tại năm nhập học.
2.3.1	<i>Đối với học sinh nhập học năm học 2022</i>			
2.3.1.1	<b>Học phí áp dụng cho học sinh khối trung học cơ sở</b>	1 HS/1 kỳ	29,000,000	
2.3.1.2	<b>Học phí áp dụng cho học sinh khối trung học phổ thông</b>			
	Học phí chính thức năm lớp 12	1 HS/1 kỳ	35,000,000	
2.3.2	<i>Đối với học sinh nhập học năm học 2023</i>			Trích quyết định số 06/QĐ-CTGDFPT về Quy định tài chính năm học 2023 – 2024 được ban hành ngày 11/01/2023.
2.3.2.1	<b>Học phí áp dụng cho học sinh khối trung học cơ sở</b>			
	Học phí lớp 7 năm học 2024 - 2025	1 HS/1 kỳ	32,000,000	
	Học phí lớp 8 năm học 2025 - 2026	1 HS/1 kỳ	33,500,000	
	Học phí lớp 9 năm học 2026 - 2027	1 HS/1 kỳ	35,000,000	
2.3.2.2	<b>Học phí áp dụng cho học sinh khối trung học phổ thông</b>			

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số tiền (VND)</b>	<b>Ghi chú</b>
	Học phí lớp 11 năm học 2024 - 2025	1 HS/1 kỳ	35,000,000	
	Học phí lớp 12 năm học 2025 - 2026	1 HS/1 kỳ	37,500,000	
<b>3</b>	<b>Các khoản dịch vụ khác</b>			
<b>3.1</b>	<b><i>Dịch vụ quản lý bán trú</i></b>	1 HS/1 kỳ	2,900,000	Thu cùng học phí hàng kỳ.
<b>3.2</b>	<b><i>Dịch vụ làm lại thẻ học sinh</i></b>	1 thẻ	50,000	Học sinh nhập học mới được phát miễn phí 01 thẻ.
<b>3.3</b>	<b><i>Dịch vụ trả chậm sách</i></b>	1 ngày		Số ngày trả sách muộn = ngày thực trả – ngày đến hạn
<b>3.3.1</b>	<b><i>Dịch vụ trả chậm sách (tối đa bằng giá trị sách)</i></b>	1 ngày	5,000	
<b>3.3.2</b>	<b><i>Dịch vụ làm mất sách hoặc rách, mất trang</i></b>	1 quyển	Theo giá bìa	
<b>3.4</b>	<b><i>Học phí học bù Giáo dục Quốc phòng</i></b>	1 tiết học	100,000	Áp dụng cho học sinh khối THPT
<b>3.5</b>	<b><i>Dịch vụ tham gia sinh hoạt câu lạc bộ, lớp học nâng cao</i></b>		Ban hành theo quyết định riêng	
<b>4</b>	<b>Các khoản thu hộ, chi hộ</b>		Ban hành theo quyết định riêng	

## **2. Các khoản có tính chất thu hộ, chi hộ tham khảo theo biểu phí năm học 2023 - 2024**

Các khoản thu hộ theo nguyên tắc thu bù chi bao gồm: Dịch vụ xe đưa đón học sinh, tiền ăn trưa/chiều, đồng phục, dịch vụ mua bảo hiểm, sách giáo khoa, sách tham khảo, phí tham gia các kì thi (nếu có) có thể được điều chỉnh theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ. Nhà trường sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho phụ huynh học sinh khi biểu phí thu hộ, chi hộ năm học 2024 – 2025 được ban hành và áp dụng, phụ huynh nộp bổ sung theo quy định.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền (VND)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Các khoản thu hộ, chi hộ</b>			
<b>1.1</b>	<b>Dịch vụ xe đưa đón học sinh</b>			1. Nộp cùng học phí hàng kỳ 2. Tiền xe được thu theo kỳ, mức phí này đã được trừ các ngày nghỉ lễ, Tết.
<b>1.1.1</b>	<i>Điểm đón chung quãng đường xe tuyến ≤ 7km</i>	1 HS/1 kỳ	8,250,000	
<b>1.1.2</b>	<i>Điểm đón chung quãng đường xe tuyến trên 7km đến ≤ 15km</i>	1 HS/1 kỳ	10,500,000	
<b>1.1.3</b>	<i>Điểm đón chung quãng đường xe tuyến trên 15km</i>	1 HS/1 kỳ	13,000,000	
<b>1.1.4</b>	<i>Đăng ký xe 1 chiều</i>	1 HS/1 kỳ	60% chi phí ở trên	
<b>2</b>	<b>Tiền ăn bán trú</b>	1 HS/1 kỳ (Số ngày học trong học kỳ nhân với định mức ngày, dự kiến 100 ngày)	5,000,000	1. Bữa trưa và chiều bắt buộc. Nộp cùng học phí hàng kỳ. Định mức: 50,000đ/ngày (Bữa trưa 35,000đ; Bữa chiều 15,000đ). 2. Tiền ăn chỉ được trừ trong trường hợp có đơn xin nghỉ học của phụ huynh (bằng đơn gửi trực tiếp hoặc email) báo trước 2 ngày làm việc.
<b>3</b>	<b>Sách học theo chương trình riêng của THCS và THPT FPT</b>			1. Gồm sách Tiếng Anh, Tin học, tài liệu hỗ trợ theo chương trình riêng của THCS và THPT FPT. 2. Học sinh đăng ký mua tự nguyện, tuy nhiên cần đảm bảo có sách để học.
<b>3.1</b>	<i>Khối THCS</i>	<i>1 HS/1 bộ/1 năm học</i>	720,000	
<b>3.2</b>	<i>Khối THPT</i>	<i>1 HS/1 bộ/1 năm học</i>	780,000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền (VND)	Ghi chú
4	<b>Dịch vụ trang phục</b>			<p>1. Nộp cùng học phí khi nhập học;</p> <p>2. Học sinh đăng ký tự nguyện. Tuyen nhiên cần đảm bảo có đồng phục để mặc theo quy định;</p> <p>3. Học sinh mới vào trường mua theo gói đầy đủ gồm: 02 áo ngắn tay, 01 quần sooc/quần váy, 02 quần dài/chân váy, 01 áo khoác mùa đông, 01 bộ võ phục kèm đai, 01 bộ quần áo thể thao, 01 túi ngủ, 01 bộ trang phục Giáo dục Quốc phòng (đối với học sinh khối THPT).</p>
4.1	<i>Phí đồng phục, túi ngủ khối Trung học Cơ sở</i>	1 gói/1 HS	1,990,000	<p>*Gói đồng phục nam khối THCS gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 Áo Polo cộc tay: 140,000đ/áo</li> <li>- 01 Quần sooc: 190,000đ/quần</li> <li>- 02 Quần dài: 210,000đ/quần</li> <li>- 01 Áo khoác mùa đông: 320,000đ/áo</li> <li>- 01 Bộ quần áo thể thao: 200,000đ/bộ</li> <li>- 01 Bộ võ phục kèm đai: 250,000đ/bộ</li> <li>- 01 Túi ngủ: 330,000đ</li> </ul> <p>*Gói đồng phục nữ khối THCS gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 Áo Polo cộc tay: 140,000đ/áo</li> <li>- 01 Quần váy: 190,000đ/quần</li> <li>- 02 Chân váy: 210,000đ/váy</li> <li>- 01 Áo khoác mùa đông: 320,000đ/áo</li> <li>- 01 Bộ quần áo thể thao: 200,000đ/bộ</li> <li>- 01 Bộ võ phục kèm đai: 250,000đ/bộ</li> <li>- 01 Túi ngủ: 330,000đ</li> </ul> <p><i>Học sinh đang học có thể mua bổ sung từng loại.</i></p>
4.2	<i>Phí đồng phục, túi ngủ khối Trung học Phổ thông</i>	1 gói/1 HS	2,330,000	<p>*Gói đồng phục nam khối THPT gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 Áo Polo cộc tay: 160,000đ/áo</li> <li>- 01 Quần sooc: 190,000đ/quần</li> <li>- 02 Quần dài: 220,000đ/quần</li> <li>- 01 Áo khoác mùa đông: 330,000đ/áo</li> <li>- 01 Bộ quần áo thể thao: 220,000đ/bộ</li> <li>- 01 Bộ võ phục kèm đai: 250,000đ/bộ</li> <li>- 01 Bộ trang phục Giáo dục Quốc phòng: 250,000đ/bộ</li> <li>- 01 Túi ngủ: 330,000đ</li> </ul> <p>*Gói đồng phục nữ khối THPT gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 Áo Polo cộc tay: 160,000đ/áo</li> </ul>

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền (VND)	Ghi chú
				- 01 Quần váy: 190,000đ/quần - 02 Chân váy: 220,000đ/váy - 01 Áo khoác mùa đông: 330,000đ/áo - 01 Bộ quần áo thể thao: 220,000đ/bộ - 01 Bộ võ phục kèm đai: 250,000đ/bộ - 01 Bộ trang phục Giáo dục Quốc phòng: 250,000đ/bộ - 01 Túi ngủ: 330,000đ <i>Học sinh đang học có thể mua bổ sung từng loại.</i>
5	<b>Dịch vụ mua bảo hiểm y tế</b>	1 HS/1 năm	Theo quy định Nhà nước	Nộp trong học kỳ 1 hàng năm
6	<b>Dịch vụ khám sức khỏe</b>	1 HS/1 lần/1 năm học	100,000	1. Áp dụng cho học sinh khối THPT. 2. Nộp vào đầu năm học.
7	<b>Dịch vụ bồi thường làm hư hỏng tài sản của nhà trường</b>	1 tài sản	Theo giá trị thực tế tài sản tại thời điểm hư hỏng	

*Lưu ý: Bảng trên được tham khảo theo biểu phí thu hộ, chi hộ ban hành năm 2023.*

### 3. Chính sách hoàn trả các khoản tiền dịch vụ

#### a) Dịch vụ tuyển sinh, dịch vụ giữ chỗ, dịch vụ nhập học:

- Giá dịch vụ tuyển sinh, dịch vụ nhập học không được hoàn trả trong bất kỳ trường hợp nào.
- Tiền giữ chỗ không được hoàn trả hoặc chuyển nhượng cho người khác trong trường hợp học sinh không nhập học.

#### b) Học phí

- Học sinh thôi học trước ngày học đầu tiên của học kỳ sẽ được trả lại 80% học phí nhà trường thực thu.
- Học sinh thôi học trong vòng 10 ngày làm việc tính từ ngày học đầu tiên của học kỳ sẽ được hoàn trả 50% học phí nhà trường thực thu.
- Học sinh thôi học sau 10 ngày làm việc tính từ ngày học đầu tiên của học kỳ sẽ không được hoàn trả học phí.



- Học sinh không được hoàn trả học phí đối với các buổi nghỉ học kê cả trong trường hợp tự ý nghỉ hoặc nghỉ theo lịch của Nhà trường.
- Trường hợp do lỗi từ phía nhà trường như không đủ sĩ số để mở lớp thì học sinh sẽ được hoàn trả 100% các khoản tiền dịch vụ thực nộp trừ đi phần đã sử dụng (nếu có).

***c) Các khoản dịch vụ khác***

- Dịch vụ quản lý bán trú, dịch vụ nội trú: Giống quy định hoàn trả học phí.
- Câu lạc bộ, các khóa học nâng cao ngoài giờ: Hoàn trả trong trường hợp khóa học chưa bắt đầu. Không hoàn trả nếu học sinh bỏ học dở chừng.

***d) Các khoản thu hộ/chi hộ***

- Chính sách hoàn trả các khoản thu hộ/chi hộ theo quy định tại khoản 4 ở trên đối với tiền xe và tiền ăn, và theo quy định ban hành của các trường đối với các khoản khác.

Bằng việc ký tên vào Phiếu đăng ký Trường THCS và THPT FPT, tôi cam kết và chịu mọi trách nhiệm về tính chính xác trong các hồ sơ đăng ký với Nhà trường được ghi nhận tại Phiếu đăng ký Trường THCS và THPT FPT này, các thông tin về sức khỏe, quy định tài chính và nội quy học sinh trường THCS và THPT FPT.

Tôi đồng ý với việc Trường THCS và THPT FPT có quyền sử dụng hình ảnh và thông tin của học sinh trong các hoạt động truyền thông của Nhà trường.

*Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2024*

***Cha mẹ học sinh/ Người giám hộ***

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## B. PHẦN DÀNH CHO CÁN BỘ NHẬN HỒ SƠ

1. Ngày nhận hồ sơ (dd/mm/yyyy):

2. Đối tượng nhập học:

Xét điểm học bạ:

Cán bộ tuyển sinh ghi rõ điểm của từng kỳ xét tuyển dưới đây:

Kỳ..... Lớp: .....Toán: ..... Ngữ Văn/TV: ..... Ngoại ngữ: .....

Kỳ..... Lớp: .....Toán: ..... Ngữ Văn/TV: ..... Ngoại ngữ: .....

Kỳ..... Lớp: .....Toán: ..... Ngữ Văn/TV: ..... Ngoại ngữ:.....

**Tổng điểm:** .....

Xét thành tích học tập/Tuyển thẳng

Chi tiết giải thưởng: .....

Năm đạt giải thưởng:.....

Cấp thi: .....

Xét điểm thi vào lớp 10 do Sở GD&ĐT địa phương tổ chức:

Điểm Toán: .....Điểm Ngữ Văn: ..... Điểm Ngoại ngữ:.....

**Tổng điểm:** .....

Tham gia đánh giá năng lực đầu vào (Dành cho khối lớp 6, 7)

Điểm: Tư duy KH: .....Tư duy NN Tiếng Việt:.....Tư duy NN Tiếng Anh .....

**Tổng điểm:** .....

3. Đối tượng tài chính:

**Ưu đãi:**

Ưu đãi 30% học phí dành cho con/em ruột của Cán bộ FE

Ưu đãi 10% học phí anh chị em cùng học tại FE

Ưu đãi 10% lần nộp học phí đầu tiên dành cho con ruột của Cán bộ FPT

Ưu đãi khác:

Mức ưu đãi.....Theo chương trình.....

.....

**Học bổng:**

Mức học bổng:.....Loại học bổng.....

.....

**4. Danh mục hồ sơ nhập học:**

STT	Tên hồ sơ	SL	Đã nhận	Chưa nhận	Ghi chú
<b>A. Hồ sơ đào tạo</b>					
1	Phiếu đăng ký Trường THCS và THPT FPT (bản gốc)	01			
2	Ảnh 3x4	02			
3	Giấy khai sinh (bản sao/công chứng)	01			
4	Học bạ Tiểu học (bản gốc)	01			
5	Học bạ THCS (bản gốc)	01			
6	Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (bản gốc) áp dụng đối với học sinh tốt nghiệp THCS năm 2024	01			
7	Bằng tốt nghiệp THCS (bản chính hoặc bản sao có chứng thực)	01			
8	Hồ sơ chuyển trường dành cho học sinh đang học tại các trường THCS khác chuyển đến trường THCS và THPT FPT hoặc học sinh xin học lại				
8.1	<i>Đơn xin chuyển trường/ Học lại</i>	01			
8.2	<i>Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng trường nơi đi cấp</i>	01			
8.3	<i>Giấy giới thiệu chuyển trường do Sở GD&amp;ĐT hoặc Phòng GD&amp;ĐT nơi chuyển đi cấp (dành cho khối THCS chuyển trường ngoài tỉnh)</i>	01			
8.4	<i>Giấy giới thiệu chuyển trường do Sở GD&amp;ĐT TP. Hải Phòng cấp (dành cho khối THCS chuyển trường ngoài tỉnh)</i>	01			
9.3	<i>Giấy xác nhận dân sự do công an Phường/ Xã cấp xác nhận không vi phạm nội quy, quy định tại nơi cư trú (dành cho học sinh xin học lại)</i>	01			
10	Chứng chỉ/giải thưởng (dành cho học sinh xét tuyển theo thành tích/học bổng cấp thẳng): .....				
11	Khác..... ..... .....				

<b>B. Hồ sơ tài chính (nếu thuộc diện ưu đãi) (ghi rõ tên CB FPT Edu/ CB FPT/ Anh chị em đang là học sinh/ sinh viên và mã CB/ Mã HS/ Mã SV) .....</b>					
<b>1</b>	Giấy khai sinh/ Sổ hộ khẩu (bản photo)	01			
<b>2</b>	CMND/ CCCD bố/ mẹ (bản photo)	01			
<b>3</b>	Giấy xác nhận nhân sự/ học sinh/ sinh viên	01			
<b>4</b>	Khác.....				

Hải Phòng , ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**Cán bộ nhận hồ sơ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*